



Danh Sách Ghi Điểm

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Lớp: TC13KTLA (Kinh tế nông lâm)

Môn Học

Nguyên lý kế toán (208336-11)

CBGD

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	13220004	LÊ THỊ TRƯỜNG	AN	70/38/09	1	8.0	Điểm	ph	
2	13220005	NGUYỄN VĂN	BẦY	01/27/08	1	8.0	Điểm	Vuonhul	
3	13220008	HUỖNH VĂN MINH	CHÁNH	80/88/04	1	6.5	Sau, năm	ph	
4	13220009	NGUYỄN HOÀNG	CHƠN	50/88/08	1	8.0	Bay	chon	
5	13220010	NGUYỄN NGỌC	CHUẨN	40/98/02	1	8.0	Điểm	C phua	
6	13220011	ĐẶNG VĂN	CÒN	60/17/06	1	8.0	Bay	ph	
7	13220006	LÊ TẤN	CƯỜNG	11/26/09	1	6.0	Sau	ph	
8	13220007	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	40/78/04	1	8.0	Bay	ph	
9	13220012	LÊ HOÀNG	DANH	20/78/06	1	9.0	Chín	ph	
10	13220001	HUỖNH HẢI	ĐĂNG	/08/07	1	6.0	Sau	ph	
11	13220002	MAI TRÍ	ĐĂNG	51/28/02	1	8.0	Bay	ph	
12	13220013	TRẦN THỊ TUYẾT	GIANG	10/99/01	1	8.0	Điểm	ph	
13	13220015	NGUYỄN MINH	HẢI	/28/03	1	6.0	Sau	ph	
14	13220014	NGUYỄN VĂN	HÂN	60/87/09	1	8.0	Điểm	ph	
15	13220018	CAO MINH	HIỂU	50/67/05	1	6.0	Sau	ph	
16	13220019	LÊ HỒNG	HIỂU	80/17/07	1	6.0	Sau	ph	
17	13220021	TRẦN MINH	HOÀNG	80/68/08	1	9.0	Chín	ph	
18	13220016	TRẦN THỊ ÚT	HỒNG	01/28/04	1	6.0	Sau	ph	
19	13220022	HUỖNH THỊ THANH	HUỆ	70/67/06				ph	
20	13220020	VÕ LÊ ĐẠI	HƯNG	51/28/03	1	6.0	Sau	ph	
21	13220032	NGUYỄN VĂN	KẾT	/78/06	1	6.0	Sau	ph	
22	13220027	LÊ HOÀNG	KHANH	/68/05	1	6.0	Sau	ph	
23	13220028	PHÙNG QUỐC	KHANH	90/68/07	1	6.0	Sau	ph	
24	13220024	TRƯƠNG DUY	KHÁNH	80/38/09				ph	
25	13220025	NGUYỄN HỮU	KHÔI	31/08/	1	6.0	Sau	ph	
26	13220029	LÊ VĂN	KHỐI	/06/05	1	8.0	Bay	ph	
27	13220026	NGUYỄN VĂN	KHƯƠNG	61/18/02	1	6.5	Sau, năm	ph	
28	13220030	LÊ ANH	KIỆT	90/98/03	1	6.5	Sau, năm	ph	
29	13220031	TRẦN VĂN TUẤN	KIỆT	50/98/01	1	5.0	Năm	ph	
30	13220017	NGUYỄN THỊ HỒNG	LAM	20/08/85	1	5.0	Năm	ph	
31	13220034	PHÙNG VĂN	LÂM	06/06/66	1	6.0	Sau	ph	
32	13220033	PHẠM MINH	LÂM	18/04/91	1	6.0	Sau	ph	

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC13KTLA (Kinh tế nông lâm)

Môn Học

Nguyên lý kế toán (208336-11)

CBGD

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
33	13220035	NGUYỄN CHÍ	LINH	20/58/01	1	5.0	Năm		
34	13220036	PHẠM CHÍ	LINH	/08/	1	5.5	Năm, năm		
35	13220037	LÊ VĂN	LUẬN	51/07/06	1	5.0	Năm		
36	13220039	PHẠM CÔNG	MƯỜI	71/08/01	1	5.0	Năm		
37	13220038	TRẦN VĂN	MƯỜI	/06/09	1	5.0	Năm		
38	13220042	TRẦN MINH	NGHĨA	20/78/04	1	5.0	Năm		
39	13220043	TRẦN VĂN	NGHĨA	10/16/09					Vắng
40	13220041	TRIỆU THỊ HỒNG	NGỌC	70/17/09	1	9.5	Chín, năm		
41	13220040	ĐÀO HOÀNG	NGÔ	70/26/09	1	6.0	Sáu		
42	13220044	PHẠM THẾ	PHƯƠNG	11/07/08					Vắng
43	13220046	TRƯƠNG VĂN	QUI	01/08/04	1	6.0	Sáu		
44	13220045	NGUYỄN VINH	QUỐC	/07/04	1	5.0	Năm		
45	13220047	NGUYỄN THỊ	SARÂY	40/18/03	1	6.0	Sáu		
46	13220048	HỒ THỊ BÍCH	SIÊNG	50/88/02	1	6.0	Sáu		
47	13220050	CHÂU THANH	TÀI	91/28/05	1	6.5	Sáu, năm		
48	13220051	TRƯƠNG HOÀNG	TẤN	/08/06	1	7.0	Bảy		
49	13220055	HUỲNH DUY	THANH	50/59/	1	7.0	Bảy		
50	13220053	NGUYỄN VĂN	THÀNH	90/96/07	1	6.0	Sáu		
51	13220054	LÊ VĂN	THÀNH	50/68/06	1	7.0	Bảy		
52	13220056	LÊ CHÍNH	THUẬN	30/48/01	1	7.0	Bảy		
53	13220052	LÊ THỊ TUYẾT	THƯ	60/37/09	1	8.0	Tám		
54	13220059	TRẦN PHAN MINH	TIẾN	80/38/04	1	7.0	Bảy		
55	13220060	NGUYỄN THỊ KIM	TIẾNG	20/58/06	1	7.0	Bảy		
56	13220061	NGUYỄN THỊ ÁNH	TIẾT	10/68/03	1	6.0	Sáu		
57	13220063	NGUYỄN THANH	TOÀN	80/48/02	1	5.0	Năm		
58	13220062	NGUYỄN VĂN	TOÀN	50/59/04	1	5.0	Năm		
59	13220064	ĐOÀN VĂN	TRỌN	40/96/08	1	6.0	Sáu		
60	13220068	PHAN THANH	TRÚC	21/18/01	1	6.0	Sáu		
61	13220069	LÝ MINH	TRUNG	10/58/02					Vắng
62	13220070	NGUYỄN MINH	TRUNG	40/28/02	1	5.0	Năm		
63	13220066	NGUYỄN LÊ	TRƯỜNG	70/68/03	1	6.0	Sáu		
64	13220072	LÊ ANH	TUẤN	09/04/81	1	5.0	Năm		
65	13220073	LÊ THANH	TUẤN	20/02/92	1	6.0	Sáu		
66	13220071	NGÔ THANH	TUẤN	20/11/74	1	8.0	Tám		

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC13KTLA (Kinh tế nông lâm)

Môn Học

Nguyên lý kế toán (208336-11)

CBGD

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
67	13220058	NGÔ MINH	TÙNG	71/08/	1	6.0	Sáu		
68	13220057	NGUYỄN THANH	TÙNG	80/47/09	1	5.0	Năm		
69	13220074	PHẠM NGUYỄN	TUYÊN	30/98/	1	6.5	Sáu năm	Sau năm	
70	13220076	ĐÀO TUẤN	VŨ	10/17/06	1	6.0	Sáu		
71	13220075	ĐẶNG PHÚC	VŨ	08/05/79	1	6.0	Sáu		
72	13220077	HUỖNH KIM	VUI	70/77/01	1	7.0	Bảy		
73	13220078	LÊ HỒNG	XINH	81/07/05	1	9.0	Chín		
74	13220079	HUỖNH THỊ NHƯ	Ý	41/19/03	1	6.0	Sáu		

In Ngày 17/07/15

69 bài
69 tờ

Ngày 21 Tháng 07 Năm 2015

Cán Bộ Coi Thi 1

Nguyễn Văn Vượng

Cán Bộ Coi Thi 2

Nguyễn Chí Thanh Nga

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Văn Vượng

Cán Bộ Chấm Thi 2

In Ngày 17/07/15

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2015

Nguyễn Văn Vượng
Nguyễn Văn Vượng

Đàm Thị Hải Âu